

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0671005 - Thí nghiệm Hóa học đại cương

STC : 1(15,0,0,0,0,0)

Lần thi : 1

Lớp :

Năm học : 2013-2014

Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Trịnh Quang	Tuân	3471010367	27/09/1992		5,00	5,00	
2	Mai Viết	Chung	3474010009	05/12/1992		6,50	6,50	
3	Trần	Tuấn	3771020340	16/04/1994		,00	,00	
4	Nguyễn Hồ Minh	Châu	3771020346	05/12/1993		7,50	7,50	
5	Phạm Văn	Danh	3771020353	21/05/1994		7,00	7,00	
6	Nguyễn Kiều	Hưng	3771020356	14/04/1994		6,50	6,50	
7	Nguyễn Thành	Vương	3771020359	01/06/1994		,00	,00	
8	Dương Minh	Cường	3771020365	02/01/1995		7,00	7,00	
9	Nguyễn Kim	Tâm	3771020370	13/09/1995		5,00	5,00	
10	Chu Đức	Anh	3771020377	18/06/1994		7,00	7,00	
11	Hà Kim	Cương	3771020387	17/07/1993		6,00	6,00	
12	Phan Công	Lý	3771020397	25/08/1994		7,00	7,00	
13	Phạm Văn	Thông	3771020398	26/05/1995		7,50	7,50	
14	Trịnh Viết	Động	3771020411	08/11/1993		6,50	6,50	
15	Nguyễn Khắc	Hoàng	3771020414	22/12/1995		7,00	7,00	
16	Trần Ngọc	Trung	3771020421	01/11/1995		5,00	5,00	
17	Nguyễn Phúc	Lộc	3771020425	05/01/1994		,00	,00	
18	Nguyễn Đức	Đương	3771020426	22/01/1995		6,00	6,00	
19	Hồ Văn	Quyền	3771020428	28/05/1995		5,00	5,00	
20	Nguyễn Đức	Trọng	3771020449	01/01/1995		5,00	5,00	
21	Nguyễn Tôn Bảo	Trình	3771020451	21/07/1995		,00	,00	
22	Bùi Hữu	Phúc	3771020453	19/08/1994		5,00	5,00	
23	Lương Xuân	Hân	3771020455	16/07/1995		6,00	6,00	
24	Nguyễn Đình	Hòa	3771020466	28/06/1993		,00	,00	
25	Trần Đức	Thuận	3771020479	24/04/1995		7,50	7,50	
26	Phan Ngọc	Hưng	3771020481	28/02/1994		7,00	7,00	
27	Lê Văn	Đồng	3771020483	05/05/1995		6,50	6,50	
28	Hồ Quốc	Chí	3771020485	09/09/1994		7,00	7,00	
29	Lê Thanh	Quân	3771020493	29/05/1995		5,00	5,00	
30	Nguyễn Hoàng	Huy	3771020495	18/02/1993		,00	,00	
31	Lê Văn	Được	3771020497	20/10/1994		5,00	5,00	
32	Đình Thế	Hào	3771020503	12/07/1995		5,00	5,00	
33	Trần Văn	Huy	3771020504	02/10/1995		6,00	6,00	
34	Nguyễn Thành	Trung	3771020506	17/01/1995		7,00	7,00	
35	Từ Quốc	Đạt	3771020509	25/06/1994		6,00	6,00	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Nguyễn Ngọc	Hùng	3771020512	18/05/1994		5,00	5,00	
37	Đỗ Duy	Thành	3771020513	25/06/1995		6,00	6,00	
38	Phan Thanh	Lam	3771020519	01/01/1994		5,00	5,00	
39	Nguyễn Hoàng	Nhon	3771020523	26/01/1993		6,00	6,00	
40	Phạm Khải	Thành	3771020530	28/10/1995		6,00	6,00	
41	Mai Quốc	Dân	3771020532	02/01/1994		7,00	7,00	
42	Nguyễn Hồng	Nghi	3771020534	16/09/1995		6,00	6,00	
43	Nguyễn Thanh	Công	3771020537	20/12/1995		6,00	6,00	
44	Trần Văn	Hưng	3771020548	08/11/1995		7,00	7,00	
45	Vũ Văn	Hưng	3771020551	14/04/1994		6,00	6,00	
46	Đồng Thị Ngọc	Vy	3771020553	21/10/1995		6,00	6,00	
47	Nguyễn Thành	Luân	3771020555	19/09/1995		7,00	7,00	
48	Bùi Phạm Hoàng	Tuấn	3771020563	28/01/1995		6,00	6,00	
49	Đoàn Sỹ	Đạt	3771020565	27/08/1995		5,00	5,00	
50	Lê Đình	Huân	3771020570	03/04/1995		6,00	6,00	
51	Nguyễn Văn Thái	Duy	3771020572	22/12/1995		,00	,00	
52	Trần Đức	Mười	3771020574	11/11/1994		5,00	5,00	
53	Ông Văn	Hùng	3771020577	17/09/1994		6,00	6,00	
54	Huỳnh Văn	Phú	3771020581	15/02/1995		7,00	7,00	
55	Nguyễn Đức	Anh	3771020583	26/02/1994		6,00	6,00	
56	Phạm Nguyễn Hoàng	Thanh	3771020589	01/09/1995		6,00	6,00	
57	Diệp Từ	Huân	3771020591	28/11/1995		,00	,00	
58	Nguyễn Bình	Nghinh	3771020595	08/09/1993		,00	,00	
59	Lê Văn	Huy	3771020598	14/01/1993		7,00	7,00	
60	Đoàn Văn	Huyện	3771020600	18/10/1995		6,00	6,00	
61	Nguyễn Văn	Hạnh	3771020603	10/08/1991		5,00	5,00	
62	Nguyễn Thanh	Bình	3771020606	02/04/1993		6,00	6,00	
63	Nguyễn Việt	Kiều	3771020607	25/05/1995		5,00	5,00	
64	Phan Tấn	Vinh	3771020612	12/09/1995		7,00	7,00	
65	Lê Ngọc	Hải	3771021073	28/08/1995		6,00	6,00	
66	Trần Thế	Phúc	3771021083	01/04/1995		7,00	7,00	
67	Phạm Tấn	Thụy	3771021106	01/01/1995		6,00	6,00	
68	Nguyễn Thanh	Quốc	3771021144	12/11/1993		5,00	5,00	
69	Trần Thái	Sang	3771021148	28/10/1990		6,00	6,00	
70	Nguyễn Minh	Chánh	3771021266	30/07/1993		6,00	6,00	
71	Đàm Mạnh	Hoàng	3771021310	23/08/1995		6,00	6,00	
72	Trương Hoàng	Phúc	3771021426	26/03/1995		5,00	5,00	
73	Nguyễn Khắc	Phú	3771021444	14/01/1994		5,00	5,00	
74	Nguyễn Thành	Giàu	3771022040	21/09/1995		5,00	5,00	
75	Nguyễn Huỳnh Tam	Cang	3771022041	13/02/1995		7,00	7,00	

Học phần : 0671005 - Thí nghiệm Hóa học đại cương
Lớp :

STC : 1(15,0,0,0,0,0) Lần thi : 1
Năm học : 2013-2014 Học kỳ : 1

STT	Họ và tên	MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
				Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
76	Nguyễn Thanh Quý	3771050208	06/09/1994		5,00	5,00	

Tổng số : **SV**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 02 năm 2014

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)